

BỘ TÀI CHÍNH-NGÂN
HÀNG NHÀ NƯỚC
Số: 102/1998/TTLT/BTC-
NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 1998

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 95/1998-QĐ-TTg

ngày 18-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý thanh toán nợ giai đoạn II

Thi hành Quyết định số 95/1998-QĐ-TTg ngày 18-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, thanh toán nợ giai đoạn II; Sau khi xin ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực, Trưởng Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương và thống nhất với các thành viên Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ thuộc các Bộ, ngành Trung ương; Bộ Tài chính - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hướng dẫn những vấn đề xử lý, thanh toán và hạch toán kế toán công nợ giai đoạn II như sau:

A. Những quy định chung:

Các bên có nợ phải thu, phải trả đã kê khai xác nhận nợ, hoặc chưa kê khai nhưng đã được đối chiếu, xác nhận của chủ nợ và người mắc nợ theo Quyết định số 277/CT ngày 29-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và đề án thanh toán công nợ giai đoạn II là đối tượng thi hành Thông tư này.

Xử lý, thanh toán nợ giai đoạn II căn cứ vào quy định của: Tổng thanh toán nợ giai đoạn II, Quyết định số 95/1998/QĐ/TTg ngày 18-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ, Pháp luật tại thời điểm phát sinh nợ và Thông tư này.

Bảo lãnh của tổ chức và cá nhân cho doanh nghiệp, tổ chức Kinh tế - Xã hội để vay vốn, mua bán trả chậm vật tư, hàng hoá theo Điều 4 Quyết định số 95/1998/QĐ/TTg ngày 18-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ vào xác nhận bảo lãnh, hỗ trợ thanh toán khi đến hạn, quy định như sau:

Nếu là tổ chức xã hội và pháp nhân kinh tế, phải có chữ ký chức danh của người được giao nhiệm vụ, con dấu của tổ chức và pháp nhân kinh tế đó.

Các trường hợp khác trách nhiệm thuộc về cá nhân.

B. Quy định cụ thể:

I. Phạm vi đối tượng xử lý, thanh toán nợ quá hạn theo

Quyết định số 95/1998/QĐ/TTg ngày 18-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Phạm vi xử lý và thanh toán nợ.

Bao gồm công nợ phải thu, phải trả đã quá hạn của các doanh nghiệp Nhà nước (doanh nghiệp đang hoạt động, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản) của Ngân sách, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, dự trữ Quốc gia, các tổ chức xã hội, kinh tế tập thể, cá thể đã được kê khai xác nhận, hoặc đã được đối chiếu xác nhận của chủ nợ và người mắc nợ theo Quyết định số 277/CT ngày 29-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), hướng dẫn của Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương và các ngành có liên quan về thanh toán công nợ giai đoạn II.

Các khoản nợ phát sinh bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng và hiện vật do mua bán vật tư, hàng hoá, cung ứng dịch vụ, vay trả tín dụng, góp vốn liên doanh liên kết đã thành nợ quá hạn, các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước nhưng chưa nộp, nợ thóc dự trữ Quốc gia. Nếu các đơn vị và tổ chức trong nước nợ là ngoại tệ, vàng trừ đồng Rúp được quy về USD "Đô la Mỹ" để thanh toán theo tỷ giá USD và giá vàng tại thời điểm kê khai nợ (30-4-1991), tỷ giá quy đổi ra đồng Việt Nam là 7.900 đồng/USD (Thông tư số 57/TTN.94 ngày 30-6-1994 của Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 235/TTg ngày 11-5-1994 của Thủ tướng Chính phủ về tổng thanh toán nợ giai đoạn II).

2. Đối tượng xử lý, thanh toán nợ:

a. Nợ phải thu, phải trả của các đối tượng có nợ lẫn nhau đối với:

Doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động mã số là loại 10.

Doanh nghiệp Nhà nước ngừng hoạt động, giải thể, phá sản mã số là loại 80.

Tài chính mã số là: 70, 71, 72, 73.

Dự trữ Quốc gia.

Ngân hàng mã số là loại: 60, 61, 62, 63, 64.

Kinh tế tập thể, tư nhân, đoàn thể và đối tượng khác mã số là loại: 20, 30, 40, 50, 90.

b. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và các đơn vị, tổ chức xã hội có nợ phải thu, phải trả đối với các đối tượng là doanh nghiệp Nhà nước loại (10-80), Tài chính, Ngân hàng, Dự trữ Quốc gia và Doanh nghiệp của Đảng.

c. Nợ phải thu phải trả của các doanh nghiệp Nhà nước loại (10-80) đối với nước ngoài.

Những khoản nợ thóc Dự trữ Quốc gia mà các đơn vị vay cứu đói theo Quyết định số 83/CT ngày 20-3-1990, Quyết định số 348/CT-349/CT ngày 01-10-1990, Quyết định số 168/CT ngày 25-5-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và các Quyết định số 538 - 539 - 540 - 541/TTg năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về vay cứu đói cũng thuộc đối tượng thực hiện theo Thông tư này.

II. Căn cứ để xử lý, thanh toán nợ giai đoạn II.

Căn cứ Thông tư liên Bộ Tài chính - Ngân hàng số 12/TT-LB ngày 21-8-1992 và Công văn số 278/TTN-93 ngày 22-10-1993 của Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương; Để có cơ sở xem xét xử lý thanh toán phải có:

1. Hồ sơ xử lý, thanh toán nợ:

Hợp đồng kinh tế, phụ lục hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên doanh liên kết, khế ước vay Ngân hàng, các chứng từ liên quan đến xuất nhập vật tư, hàng hoá và các giấy tờ cam kết khác.

Thẻ xác nhận nợ đã có chữ ký đóng dấu xác nhận của người mắc nợ và Ban thanh toán nợ kiểm tra xác nhận, hoặc bản đối chiếu nợ được chủ nợ, người mắc nợ xác nhận.

Đối với các thẻ được lập trên cơ sở Quyết định xét xử của Trọng tài kinh tế Nhà nước hoặc bản án của Tòa án đã có hiệu lực Pháp luật thì doanh nghiệp phải sao Quyết định phán quyết của Trọng tài kinh tế Nhà nước hoặc Tòa án nhân dân kèm theo.

Kế hoạch và thực hiện phân phối vật tư hàng hoá.

Báo cáo nguyên nhân không thu, không trả được nợ có biên bản xác nhận nguyên nhân phát sinh nợ của Ban thanh toán nợ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với doanh nghiệp Trung ương phải có thêm xác nhận của Ban thanh toán nợ của các Bộ, ngành (là chủ quản doanh nghiệp).

Biên bản xác nhận do thiên tai, địch hoạ của chính quyền cấp xã và bảng kê tổng hợp do cấp huyện.

Quyết định giải thể, ngừng hoạt động, phá sản và phương án xử lý tài sản doanh nghiệp giải thể, do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ chủ quan phê duyệt.

Đối với các Hợp tác xã giải thể:

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị về việc Hợp tác xã đã tự tan rã, không còn tồn tại Ban quản lý Hợp tác xã.

Xác nhận về hiện trạng tài sản của Hợp tác xã (tài sản sở hữu tập thể).

Ngoài các hồ sơ quy định chung, các khoản nợ của Ngân hàng phải có thêm các loại hồ sơ sau:

Quyết định khoan nợ vay Ngân hàng cho các đối tượng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Đối với nợ của tư nhân đã chết, mất tích: Giấy chứng tử, hoặc xác nhận đã chết của cơ quan Tư pháp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tuyên bố mất tích của Tòa án, nếu bỏ trốn khỏi địa phương có chứng nhận của Công an xã.

Đối với các khoản vay có thế chấp tài sản phải có văn bản chứng minh Ngân hàng đã tận thu tài sản thế chấp để thu nợ quy ra giá trị thực thu được.

Báo cáo quyết toán 3 năm của các doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động nhưng thua lỗ.

Quyết định khoan nợ vay Ngân hàng của các doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động theo từng nguyên nhân đã được phân tích trước đây. - Nợ vay Ngân hàng của các doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động, quá hạn do các nguyên nhân khách quan chưa được xử lý: lập hồ sơ theo quy định tại Thông tư liên tịch Tài chính - Ngân hàng số 03/1997/TTLT/NHNN/BTC ngày 22-11-1997 (nếu các khoản nợ này chưa được xử lý khi thực hiện Thông tư liên tịch trên). Hồ sơ phải được phân loại, sắp xếp, tổng hợp và xác nhận của Ban thanh toán nợ tỉnh, thành phố, có phương án đề nghị xử lý theo 4 hình thức: xoá nợ, khoan nợ, giãn nợ, chuyển thành vốn cấp.

Cơ quan Tài chính nợ Ngân hàng:

Văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, hoặc Tỉnh uỷ, Thành uỷ đối với cơ quan Tài chính địa phương về việc vay vốn Ngân hàng Thương mại hoặc Ngân hàng Nhà nước để chi lương, chi Bảo hiểm xã hội thay cho phần Ngân sách,...

Văn bản xác nhận của Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về khoản vay nêu trên đã được sử dụng để chi lương, chi Bảo hiểm xã hội...

Những quyết định xử lý nợ của cơ quan chủ quản, cơ quan chuyên môn, cấp chính quyền, cơ quan luật pháp đối với những món nợ do nguyên nhân chủ quan gây ra.

Các văn bản về bảo lãnh, xác nhận thanh toán, hỗ trợ khi gặp khó khăn của các cấp chính quyền, Đảng và cơ quan chuyên môn.

Các văn bản yêu cầu thực hiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về bảo lãnh, thanh toán và vay nợ phân phối vật tư hàng hoá trả chậm.

Các quyết định cho xoá nợ đối với các khoản nợ đã được kê khai. Những hồ sơ trên liên quan đến món nợ nào đơn vị phải chứng minh bằng bản chính, nếu bản sao phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp quận, huyện trở lên hoặc Công chứng Nhà nước, lệ phí công chứng theo lệ phí hành chính.

2. Văn bản phân tích xác nhận nguyên nhân phát sinh nợ:

Những đối tượng nêu ở Mục I, điểm 2 ở trên được xử lý theo từng nguyên nhân phát sinh nợ; Các Bộ ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Công văn số 278/TTN-93 ngày 22-10-1993 của Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương để phân tích, phân loại nguyên nhân chủ quan, khách quan gây ra nợ quá hạn.

2.1. Do cơ chế chính sách thay đổi, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tư nhân, cá thể vay không còn khả năng tự trả nợ do doanh nghiệp Nhà nước khác chiếm dụng đã bị giải thể, ngừng hoạt động, phá sản không còn khả năng trả nợ.

2.2. Do thiên tai, địch hoạ.

2.3. Do tư nhân, cá thể nợ đã chết hoặc mất tích, chạy trốn, đi tù không còn tài sản, mà người thừa kế tài sản không còn khả năng thanh toán (những trường hợp trên phải có hồ sơ pháp lý của cơ quan Thi hành án và chính quyền địa phương) xác nhận.

Những trường hợp phát sinh trên được xử lý sau khi đã thực hiện đủ các bước theo hướng dẫn, phải được Ban thanh toán nợ các cấp xác nhận, cơ quan Tài chính - Ngân hàng Nhà nước kiểm tra, sau đó trình cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý. Cấp ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với doanh nghiệp và tổ chức